

PHỤ LỤC SỐ 12
GIA ĐẤT NĂM 2014 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHỤC HOÀ
(Kèm theo Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND
Ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

1. Bảng giá đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại thị trấn
 Đơn vị: đồng/m²

Đô thị	Loại đường phố	Vị trí			
		1	2	3	4
Thị trấn	I	1.535.000	733.000	366.000	183.000
	II	1.066.000	533.000	266.000	133.000
	III	762.000	381.000	190.000	95.000
	IV	546.000	273.000	136.000	67.000
	V	393.000	196.000	97.000	56.000

2. Bảng giá đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn
 Đơn vị: đồng/m²

Loại xã	Khu vực	Vị trí			
		1	2	3	4
Loại 1	Khu vực 1	367.000	183.000	91.000	52.000
	Khu vực 2	210.000	105.000	52.000	42.000
Loại 2	Khu vực 1	210.000	105.000	52.000	42.000
	Khu vực 2	118.000	59.000	44.000	35.000
	Khu vực 3	68.000	40.000	30.000	25.000

3. Bảng giá đất chuyên trồng lúa nước hai vụ
 Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	65.000	48.000	34.000
		Vùng 2	50.000	38.000	26.000
		Vùng 3	38.000	29.000	20.000
2	Loại 2	Vùng 1	48.000	36.000	25.000
		Vùng 2	36.000	28.000	19.000
		Vùng 3	28.000	20.000	14.000

- Trường hợp thửa đất chuyên trồng rau và đất chuyên trồng hoa thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng này.

4. Bảng giá đất trồng một vụ lúa và một vụ màu/năm

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	59.000	44.000	31.000
		Vùng 2	46.000	35.000	24.000
		Vùng 3	35.000	26.000	19.000
2	Loại 2	Vùng 1	44.000	33.000	23.000
		Vùng 2	33.000	25.000	18.000
		Vùng 3	25.000	19.000	13.000

- Trường hợp thửa đất ruộng bậc thang trên sườn đồi thì giá đất được tính bằng bằng 0,9 lần.

- Trường hợp thửa đất chuyển sang trồng mía thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng giá này.

5. Bảng giá đất trồng cây hàng năm khác

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	54.000	40.000	28.000
		Vùng 2	42.000	32.000	22.000
		Vùng 3	32.000	24.000	17.000
2	Loại 2	Vùng 1	40.000	30.000	21.000
		Vùng 2	30.000	23.000	16.000
		Vùng 3	23.000	17.000	12.000

- Trường hợp thửa đất trồng một vụ lúa thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng giá này.

- Trường hợp thửa đất trồng cây hàng năm khác trồng trên địa hình dốc >15⁰ thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

6. Bảng giá đất trồng cây lâu năm

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	52.000	38.000	27.000
		Vùng 2	40.000	30.000	21.000
		Vùng 3	30.000	22.000	16.000
2	Loại 2	Vùng 1	38.000	28.000	20.000
		Vùng 2	28.000	21.000	15.000
		Vùng 3	21.000	16.000	11.000

- Trường hợp thửa đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc > 15⁰ thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất tính bằng 0,5 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình bằng phẳng trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất được tính bằng 0,7 lần .

7. Bảng giá đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vị trí		
		1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	7.500	4.500	2.200
2	Loại 2	5.400	3.500	1.700

8. Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	37.000	32.000	22.000
		Vùng 2	32.000	28.000	20.000
		Vùng 3	28.000	22.000	16.000
2	Loại 2	Vùng 1	32.000	28.000	20.000
		Vùng 2	28.000	22.000	16.000
		Vùng 3	22.000	16.000	11.000

9. Giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư thị trấn (trừ đất lâm nghiệp)

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Thị trấn	Vùng 1	68.000	49.000	35.000
		Vùng 2	52.000	39.000	27.000
		Vùng 3	39.000	29.000	21.000

- Trường hợp thửa đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm có địa hình dốc > 15° thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất tính bằng 0,5 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình bằng phẳng trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

10. Giá đất để tính tiền thuê đất với Nhà nước và thuê sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất khai thác khoáng sản được quy định chung: 80.000 đồng/m².

B. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ ĐẤT, THỊ TRẤN

I. THỊ TRẤN TÀ LÙNG.

Bao gồm 4 loại đường phố từ I đến IV.

1. Phân loại đường phố và vị trí đất ở

1.1 Đường phố loại I

- Đoạn đường từ đầu cầu Cửa khẩu đến ngã ba rẽ xuống mốc 24 (hết đường một chiều) và các vị trí đất xung quanh đình chợ Thị trấn Tà Lùng;

- Các lô đất thuộc mặt tiền khu tái định cư mới thị trấn Tà Lùng theo bản đồ quy hoạch phân lô chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 14/01/2010 của UBND huyện Phục Hòa theo đường quy hoạch (đường trục chính) đến tiếp giáp đường QL3 cũ (xóm Pò Tập);

- Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ vào khu tái định cư 47(1) đến tiếp giáp với đường trục chính (cạnh Chi cục Hải Quan).

a) Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại I.

b) Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của đường nhánh, ngõ >3m mà ô tô đi vào được.

- Đoạn đường từ chợ đi đến bãi bốc xếp hàng hoá của Công ty TNHH Hữu Hoà;

- Các lô đất còn lại của đường nhánh, ngõ của khu tái định cư mới thị trấn Tà Lùng thuộc lô quy hoạch số 47(3), 47(4);

- Các lô đất thuộc các đường nhánh, ngõ của khu tái định cư Tà Lùng thuộc lô quy hoạch số 47(1);

- Đoạn đường từ chợ vào kho ngoại quan đến hết nhà ông Hoàng Cao Hiệp (xóm Pò Tập);

- Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Văn Nghĩa theo đường vào xóm Hưng Long đến hết nhà bà Bé Thị Cần (xóm Hưng Long).

- Đoạn đường ngã ba nhà ông Lô Văn Hào đến hết ao nhà ông Lô Văn Tờ xóm Phia Khoang;

c) Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền của đường nhánh, ngõ rộng 2m đến 3m mà xe công nông đi lại được của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ ngã ba giáp cần barie trạm kiểm soát theo đường vào chợ đến hết xung quanh chợ cửa khẩu;

- Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Cao Hiệp đến hết nhà ông Hoàng Cao Luận xóm Pò Tập.

d) Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại của đường phố loại I.

1.2. Đường phố loại II:

- Đoạn đường từ ngã ba rẽ xuống mốc 24 dọc theo trục Quốc lộ 3 đến hết Trường THCS Thị trấn Tà Lùng;

- Đoạn đường từ ngã tư rẽ vào nhà máy đường theo đường trục chính đến ngã tư rẽ vào xóm Hưng Long;

- Các lô đất thuộc khu tái định cư thị trấn Tà Lùng thuộc lô Quy hoạch số 47(2) theo trục đường quy hoạch (Từ lô số 01 đến hết lô số 116).

a) Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại II.

b) Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ ngã ba Phia Khoang đến mốc 24;

- Đoạn đường từ ngã ba Đồn Biên phòng đi Lũng Om đến đường rẽ vào xóm Bó Pu;

- Đoạn đường từ Đồn Biên phòng vào Hưng Long đến đầu cầu treo sang Nà Thảm;

- Các lô đất còn lại thuộc lô quy hoạch số 47(2).

c) Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Trần Văn Hiệu (xóm Hưng Long) theo đường ra Đồng Long đến hết nhà bà Nguyễn Thị Huyền (xóm Hưng Long);

- Đoạn đường từ ngã ba Nhà thờ đến hết nhà bà Nguyễn Thị Từ xóm Hưng Long;

- Các đường nhánh còn lại rộng từ 2m đến 3m.

d) Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại của đường phố loại II.

1.3 Đường phố loại III:

- Đoạn đường Từ điểm tiếp giáp với Trường THCS Thị trấn đến ngã ba đường mới tiếp giáp với đường Quốc Lộ 3 cũ;

- Đoạn đường từ ngã ba tiếp giáp giữa đường Quốc lộ 3 với đường trục chính theo đường trục chính đến ngã tư rẽ vào nhà máy đường;

- Đoạn đường Từ ngã ba Đổng Lèng vào đến cổng Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.

a) *Vị trí 1*: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại III.

b) *Vị trí 2*: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường Từ cổng Công ty cổ phần Mía đường đến hết tường rào đằng sau Công ty (Xưởng sản xuất phân vi sinh);

- Đoạn đường Từ ngã ba Cách Linh đến hết địa phận thị trấn.

c) *Vị trí 3*: Các vị trí đất mặt tiền đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 3 vào xóm Bó Pu đến hết xóm Bó Pu mà xe công nông đi lại được.

- Đoạn đường từ ngã ba rẽ vào xóm Bó Pu theo đường đi Lũng Om đến hết đất địa phận thị trấn Tà Lùng (giáp thị trấn Hoà Thuận).

d) *Vị trí 4*: Các vị trí còn lại thuộc đường phố loại III.

1.4 Đường phố loại IV:

Đoạn đường từ ngã ba đường mới tiếp giáp với Quốc lộ 3 (cũ) dọc theo đường Quốc lộ 3 đến hết địa phận Thị trấn Tà Lùng.

a) *Vị trí 1*: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại IV.

b) *Vị trí 2*: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 3 vào xóm Bó Pét, chiều dài tính 300m;

- Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 3 vào xóm Pác Phéc, chiều dài tính 300m.

c) *Vị trí 3*: Các vị trí đất mặt tiền đường nhánh, ngõ rộng từ 2m đến 3m mà xe công nông đi lại được.

d) *Vị trí 4*: Các vị trí đất còn lại

2. Phân vùng đất nông nghiệp

2.1 Vùng 1: Đối với thị trấn Tà Lùng, đất nông nghiệp chỉ có vùng 1

Vị trí đất: Có vị trí 1 và vị trí 2.

II. THỊ TRẤN HOÀ THUẬN

1. Phân loại đường phố và vị trí đất ở.

* Bao gồm 3 loại đường phố từ II đến V.

1.1 Đường phố loại II:

- Đoạn đường từ ngã ba Pò Rịn theo Quốc lộ 3 (cũ) đi qua chợ đến ngã ba Cách Linh;

- Đoạn đường từ ngã ba Pác Tò theo đường quy hoạch qua trung tâm huyện lỵ Phục Hòa đến hết địa giới quy hoạch.

a) *Vị trí 1:* Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại II và các vị trí đất xung quanh chợ.

- Các lô đất có mặt tiền tiếp giáp với đường trục chính trong khu tái định cư (Khu B, C và D) thị trấn Hòa Thuận, huyện Phục Hòa;

- Các lô đất có mặt tiền tiếp giáp với đoạn đường từ Trạm Bảo vệ thực vật qua cổng UBND huyện đến đường vào xóm Bó Luông.

b) *Vị trí 2:* Các vị trí đất mặt tiền đường nhánh, ngõ >3m mà ô tô đi vào được của các đoạn đường sau:

- Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 3 rẽ đi Cách Linh đến hết đất địa giới thị trấn Hòa Thuận (giáp xã Đại Sơn).

- Đoạn đường từ ngã ba QL3 cũ (gần nhà ông Trần Hữu Hoà) đi sang đường tránh Phố Phục Hoà đến gặp đường tránh;

- Đoạn đường từ nhà ông Lương Văn Lợi đến giáp đường tránh Phố Phục Hoà;

- Đoạn đường từ nhà ông Nông Thanh Bình đến giáp đường tránh Phố Phục Hoà;

- Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 3 cũ đi đến cầu cứng đi đường 208;

- Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 3 cũ đi đến đầu Cầu treo Phục Hoà;

- Đoạn đường rẽ xuống bến phà Phục Hoà;

- Đoạn đường từ cuối chợ Phục Hòa lên Đài truyền hình;

- Đoạn đường từ nhà ông Lăng Văn Vương đến giáp đường tránh phố Phục Hòa;

- Các lô đất mặt sau khu tái định cư (khu B, C và D) thị trấn Hòa Thuận.

c) *Vị trí 3:* Các vị trí đất mặt tiền đường nhánh, ngõ từ 2m đến 3m mà xe công nông đi lại được.

d) *Vị trí 4:* Các vị trí đất ở còn lại của đường phố loại II.

1.2 Đường phố loại III:

Gồm các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ ngã ba Cách Linh dọc theo Quốc lộ 3 qua cổng Cải Suối đến đường rẽ vào xóm Bó Luông (hết địa giới quy hoạch);

- Đoạn đường từ ngã ba Pò Rịn theo đường tránh phố Phục Hoà đến ngã ba gặp QL3 cũ.

a) *Vị trí 1*: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại III.

b) *Vị trí 2*: Các vị trí đất mặt tiền đường nhánh, ngõ > 3m mà ô tô đi được gồm các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ đường tránh phố Phục Hoà rẽ vào làng Pác Bó đến hết địa giới quy hoạch;

c) *Vị trí 3*: Các vị trí đất mặt tiền thuộc đường phố loại III có đường nhánh, ngõ từ 2m đến 3m mà xe công nông đi lại được.

d) *Vị trí 4*: Các vị trí đất ở còn lại.

1.3 Đường phố loại IV:

Bao gồm các đoạn đường sau:

+ Đoạn đường từ ngã ba Pò Rịn theo QL3 đến ngã ba đường rẽ vào khu dân cư Nà Rằng - Xóm Bó Pu.

+ Đoạn đường từ địa giới quy hoạch (ngã ba rẽ vào xóm Bó Luông) theo QL3 đến ngã ba giáp đường nội thị (xóm Nà Mười).

+ Đoạn đường từ tiếp giáp với địa giới quy hoạch theo đường nội thị đến ngã ba tiếp giáp với QL3.

a) *Vị trí 1*: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại IV.

b) *Vị trí 2*: Các vị trí đất mặt tiền đường nhánh ngõ > 3m mà ô tô đi lại được (từ Quốc lộ 3 đến hết địa giới quy hoạch).

c) *Vị trí 3*: Các vị trí đất mặt tiền thuộc đường phố loại IV có đường nhánh, ngõ từ 2m đến 3m mà xe công nông đi lại được.

d) *Vị trí 4*: Các vị trí đất ở còn lại.

1.4 Đường phố loại V:

Bao gồm các đoạn đường sau:

+ Đoạn đường từ ngã ba rẽ vào khu dân cư Nà Rằng - Xóm Bó Pu theo QL3 đến hết đất địa giới thị trấn Hoà Thuận (giáp xã Lương Thiện).

+ Đoạn đường từ ngã ba giáp đường nội thị (xóm Nà Mười) theo QL3 đến hết đất địa giới thị trấn Hoà Thuận (giáp thị trấn Tà Lùng).

+ Đoạn đường tỉnh lộ tiếp giáp xóm Đoòng Leng (thị trấn Tà Lùng) theo đường đi Cách Linh đến hết đất địa giới thị trấn Hoà Thuận (giáp xã Đại Sơn).

- a) *Vị trí 1*: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại V.
- b) *Vị trí 2*: Đường nhánh vào các khu dân cư mà ô tô đi lại được.
- c) *Vị trí 3*: Đường ngõ từ 2 - 3m mà công nông đi lại được.
- d) *Vị trí 4*: Các vị trí đất còn lại.

2. Phân vùng đất nông nghiệp

1. Vùng 1

- Các thửa đất nằm trong khu quy hoạch huyện lỵ Phục Hòa.
- Các thửa đất nông nghiệp thuộc phạm vi các đoạn đường sau:
 - + Đoạn đường từ địa giới đất thị trấn Hoà Thuận (giáp xã Lương Thiện) theo QL3 đến hết địa giới đất thị trấn Hoà Thuận (giáp thị trấn Tà Lùng);
 - + Đoạn đường từ ngã ba rẽ sang đi Mỹ Hưng đến đầu cầu cứng;
 - + Đoạn đường từ ngã ba rẽ vào cầu treo cũ;
 - + Từ ngã ba nhà ông Nông Thanh Bình đi vào làng Bó Pu đến hết địa giới Quy hoạch huyện lỵ;
 - + Từ ngã ba Quốc lộ 3 cũ rẽ vào làng Pác Bó đến hết địa giới Quy hoạch huyện lỵ;
 - + Đoạn đường từ UBND thị trấn Hoà Thuận đến hết bên phà cũ;
 - + Đoạn đường từ ngã ba Cách Linh đến hết địa giới đất thị trấn Hoà Thuận (giáp xã Đại Sơn);
- a) *Vị trí 1*: Các thửa đất nông nghiệp có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông.

b) *Vị trí 2*: Các vị trí thửa đất nông nghiệp tiếp theo sau vị trí 1.

c) *Vị trí 3*: Các thửa đất nông nghiệp còn lại thuộc vùng 1.

2. Vùng 2

Các vị trí đất nông nghiệp còn lại.

III. CÁC XÃ THUỘC HUYỆN PHỤC HOÀ.

Bao gồm các xã loại 2

1. Xã Cách Linh.

1.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

* **Áp dụng giá đất xã loại 1**

- Đoạn đường từ ngã ba đầu chợ đến hết ngã ba cuối chợ, các đường xung quanh chợ có vị trí mặt tiền giáp với chợ (Áp dụng khu vực 1 vị trí 1);

- Khu vực đất quy hoạch Trung tâm cụm xã Cách Linh;

- Đoạn đường từ ngã ba Triệu Âu đến trên đỉnh dốc Thôm Pinh.

*** Áp dụng giá đất xã loại 2**

a. Khu vực 1

- Đoạn từ tiếp giáp với khu đất quy hoạch trung tâm cụm xã Cách Linh qua trụ sở UBND xã đến đường rẽ vào mỏ đá (xóm Đông Chiêu);

- Đoạn đường từ nhà Chu Văn Xuân thuộc xóm Lăng Hoài Đâu đến tiếp giáp đất khu quy hoạch Trung tâm cụm xã Cách Linh.

* Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của khu vực 1.

* Vị trí 2: Các đường nhánh, ngõ >3m của khu vực 1.

* Vị trí 3: Các đường nhánh, ngõ từ 2m đến 3m công nông đi lại được của khu vực 1.

* Vị trí 4: Các vị trí đất ở còn lại của khu vực 1.

b. Khu vực 2

- Đoạn đường từ nhà ông Chu Văn Xuân thuộc xóm Lăng Hoài Đâu theo đường huyện lộ đến hết địa giới xã Cách Linh (Giáp xã Hồng Đại);

- Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Đàm Văn Chúc xóm Lăng Hoài đi Hồng Quang, khoảng cách tính 300m;

- Đoạn đường từ đường rẽ vào mỏ đá (xóm Đông Chiêu) qua 2 xóm Bản Mền và Bó An giáp với xã Đại Sơn;

- Đoạn đường từ ngã ba Bó An qua trường Tiểu học Khưa Đa đến ngã ba Lũng Thính;

- Đoạn đường từ ngã ba Đông Chiêu vào Bản Riêng đến ngã ba đường đi Khuổi Xám, Khuổi Luông.

* Vị trí 1: Các vị trí mặt tiền của khu vực 2.

c. Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí mặt tiền theo trục đường giao thông ma ô tô đi lại được của khu vực 3.

1.2 Phân vùng đất nông nghiệp

a. Vùng 1

Bao gồm các thửa đất nông nghiệp thuộc phạm vi các đoạn đường sau:

- Từ ngã ba rẽ đi trụ sở UBND xã đến ngã ba rẽ trạm bơm Cách Linh;
- Từ đường rẽ vào mỏ đá (xóm Đông Chiêu) theo đường huyện lộ qua chợ đến nhà ông Chu Văn Xuân xóm Lãng Hoài Đâu;

b. Vùng 2

Bao gồm các thửa đất nông nghiệp thuộc phạm vi các đoạn đường sau:

- Từ tiếp giáp nhà ông Chu Văn Xuân xóm Lãng Hoài Đâu theo đường huyện lộ đến hết địa phận xã Cách Linh (giáp Hồng Đại);
- Từ đường rẽ vào mỏ đá (xóm Đông Chiêu) theo đường huyện lộ đến hết địa phận xã Cách Linh (giáp xã Đại Sơn);
- Đoạn đường từ ngã ba Cốc Cheng (Đông Chiêu) đi hết Bản Riêng.

c. Vùng 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

2. Xã Hồng Đại

2.1 Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a. Khu vực 1

Đoạn đường từ nhà văn hóa xóm Nà Suối B theo đường huyện lộ đến hết nhà ông Nông Văn Bảo xóm Bó Pha, Bó Phẳng.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của khu vực 1.

+ Vị trí 2: Các vị trí mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ ngã Trường Phổ thông Cơ sở Hồng Đại rẽ đi phân trường Bắc Hồng tính theo chiều dài 500m.
- Đoạn đường từ ngã ba Nà Suối đi Nà Thó tính dài 500m.

b. Khu vực 2

- Đoạn đường từ tiếp nhà ông Nông Văn Bảo theo đường huyện lộ đến hết địa phận xã Hồng Đại (giáp xã Chí Thảo, huyện Quảng Uyên);
- Đoạn đường từ nhà văn hóa Nà Suối B theo đường huyện lộ đến hết địa phận xã Hồng Đại (giáp xã Cách Linh).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền thuộc khu vực 2.

c. Khu vực 3:

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường giao thông ma ô tô đi lại được của khu vực 3.

2.2 Phân vùng đất nông nghiệp

a. Vùng 2

Bao gồm các thửa đất nông nghiệp thuộc phạm vi đoạn đường từ tiếp giáp với xã Chí Thảo theo đường huyện lộ đến hết địa phận xã Hồng Đại (giáp xã Cách Linh).

b. Vùng 3: Các khu vực đất nông nghiệp còn lại

3. Xã Tiên Thành

3.1 Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a. Khu vực 2

- Đoạn đường từ ngã ba rẽ vào Trường Phổ thông Cơ sở Tiên Thành theo đường huyện lộ đến hết Trường tiểu học xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí mặt tiền của khu vực 2.

b. Khu vực 3:

Những khu đất còn lại thuộc xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường giao thông ma ô tô đi lại được của khu vực 3.

3.2 Phân vùng đất nông nghiệp

a. Vùng 2

- Đoạn đường từ nhà bà Nông Thị Nhâm xóm Bản Giuồng theo đường huyện lộ đến nhà ông Đinh Văn Viễn xóm Nà Phia;

- Đoạn đường từ nhà ông Đinh Văn Báo gần trường Tiểu học theo đường huyện lộ đến hết nhà ông Đinh Văn Bằng xóm Bản Chập.

b. Vùng 3

Các khu vực đất nông nghiệp còn lại của xã.

4. Xã Triệu Âu

4.1 Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a. Khu vực 1

- Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Ngữ (ngã ba rẽ vào làng Nà Lò) theo đường huyện lộ qua cầu Bản Co đến hết nhà ông Lương Văn Y.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền thuộc khu vực 1.

a. Khu vực 2

- Đoạn đường từ suối cạn Hoàng Xà đến nhà ông Phùng Văn Dũng (cuối trụ sở UBND xã).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền thuộc khu vực 2.

b. Khu vực 3

Những khu vực đất còn lại thuộc xã.

* Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường giao thông mà ô tô đi lại được từ Pò Háng đến Hoàng Xà.

* Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền thuộc đường nhánh > 2,5m xe ô tô đi được, đất có mặt tiền từ nhà ông Phùng Văn Dũng (cuối trụ sở UBND xã đến cầu treo Tha Miang).

4.2 Phân vùng đất nông nghiệp

a. Vùng 2

Các thửa đất nông nghiệp thuộc phạm vi đoạn đường từ nhà ông Bé Văn Lịch (Bản Buồng) theo dọc đường huyện lộ đến nhà ông Nguyễn Văn Ngũ xóm (Nà Lò).

b. Vùng 3

Các khu vực đất nông nghiệp còn lại của xã.

5. Xã Lương Thiện

5.1 Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a. Khu vực 2

Đoạn đường từ Cốc Xả (đỉnh đèo Khau Chia) theo Quốc lộ 3 qua trụ sở UBND xã đến mỏ đá Bản Chang.

* Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền thuộc khu vực 2.

b. Khu vực 3

Những khu đất còn lại thuộc xã.

* Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường giao thông mà ô tô đi lại được của khu vực 3.

5.2 Phân vùng đất nông nghiệp

a. Vùng 2

Các thửa đất nông nghiệp thuộc phạm vi đoạn đường từ tiếp giáp thị trấn Hoà Thuận theo Quốc lộ 3 đến hết địa phận xã Lương Thiện (giáp xã Hạnh Phúc - Quảng Uyên).

b Vùng 3

Các khu vực đất nông nghiệp còn lại

6. Xã Mỹ Hưng.

6.1 Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a. Khu vực 1

Đoạn đường từ đầu cầu cứng Mỹ Hưng (giáp thị trấn Hòa Thuận) theo đường tỉnh lộ 208 đến đầu cầu Nà Bó;

- Đoạn đường từ ngã ba đường 208 rẽ vào trụ sở UBND xã và xuống đến bến phà cũ.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền thuộc khu vực 1.

b. Khu vực 2

- Đoạn đường từ đây cầu treo Hưng Long – Nà Thấm theo đường Nà Riêng- Nà Thấm đến hết xóm Nà Thấm giáp xóm Bản Đâu.

c) Khu vực 3

Những khu đất còn lại của xã.

* Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường giao thông mà ô tô đi lại được của khu vực 3.

6.2 Phân vùng đất nông nghiệp

a. Vùng 2

- Từ đầu cầu cứng theo đường Tỉnh lộ 208 đến hết cầu Nà Mi thuộc xóm Nà Bó;

- Từ ngã ba đường 208 rẽ vào Trụ sở UBND xã và xuống đến bến phà cũ.

b. Vùng 3

Các khu vực đất nông nghiệp còn lại của xã.

7. Xã Đại Sơn

7.1 Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

- Đoạn đường từ ngã ba rẽ đi Bản Mới (Mốc km 20) theo đường huyện lộ qua Trụ sở UBND xã đến đầu nhà ông Lục Văn Sòng;

- Đoạn đường từ ngã ba Không Vắc đi Bản Mới đến nhà bà Lục Thị Hường;

- Đoạn đường từ Trạm biến áp qua trường THCS Đại Tiến đến nhà ông Đàm Văn Lạnh.

* Vị trí 1; Các vị trí đất mặt tiền thuộc khu vực 2.

b. Khu vực 3:

Những khu đất còn lại của xã.

* Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường giao thông mà ô tô đi lại được của khu vực 3.

7.2 Phân vùng đất nông nghiệp

a. Vùng 2

- Từ Cốc Phường (giáp thị trấn Hoà Thuận và thị trấn Tà Lùng) dọc theo đường tỉnh lộ qua trụ sở UBND xã đến hết địa phận xã Đại Sơn giáp xã (Cách Linh);

- Đoạn đường từ tiếp giáp xã Cách Linh (xóm Không Vắc) theo đường đi qua Bản Chu đến hết địa phận xã Đại Sơn (giáp thị trấn Hoà Thuận).

b. Vùng 3

Các khu vực đất nông nghiệp còn lại của xã.

* **Ghi chú:** Các trường hợp không quy định cụ thể thì áp dụng quy định chung.

Tài liệu được lưu trữ tại DienSoOnline.vn